

# THỰC TRẠNG CHUYỂN ĐỔI ĐẤT NÔNG NGHIỆP SANG ĐẤT CÔNG NGHIỆP VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP SAU CHUYỂN ĐỔI Ở HUYỆN MỸ HÀO, TỈNH HƯNG YÊN

Tạ Tuyết Thái<sup>1\*</sup>, Nguyễn Xuân Thành<sup>2</sup>, Nguyễn Đình Bồng<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Nghiên cứu sinh, Khoa Quản lý đất đai, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

<sup>2</sup>Khoa Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam; <sup>3</sup>Hội Khoa học Đất Việt Nam

Email\*: tatuyetthai@gmail.com

Ngày gửi bài: 20.10.2014

Ngày chấp nhận: 26.11.2014

## TÓM TẮT

Kết quả nghiên cứu chỉ ra thực trạng của việc chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất công nghiệp của huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên đồng thời cũng chỉ ra được hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp còn lại sau chuyển đổi và một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Trong giai đoạn từ 2005-2012, diện tích đất công nghiệp tăng 280,12ha trong đó có 235,68ha lấy từ đất nông nghiệp chuyển sang. Diện tích đất nông nghiệp giảm mạnh đã gây áp lực rất lớn đến sử dụng quỹ đất nông nghiệp và những thay đổi về loại hình sử dụng. Năm 2005 trên phạm vi huyện có 6 loại hình sử dụng đất (LUT) với 15 kiểu sử dụng đất, đến năm 2012 có 6 LUT nhưng các kiểu sử dụng đất đã tăng lên 21 kiểu. Việc thay đổi diện tích các loại hình sử dụng đất cũng cho thấy hiệu quả từ các loại hình mới áp dụng này mang lại. Diện tích tăng chủ yếu ở 2 loại hình cây lâu năm và trang trại VAC (Vườn - ao - chuồng). Hiệu quả sử dụng đất của các loại hình sử dụng đất năm 2012 đều tăng so với năm 2005. Hiệu quả kinh tế cao nhất là LUT nuôi trồng thủy sản, thấp nhất là LUT 2 lúa.

Từ khóa: Công nghiệp, chuyển đổi, hiệu quả sử dụng đất, Mỹ Hào, nông nghiệp, thực trạng.

## Current Status of Agricultural Land Transformed into Industrial Land and Post-Transformation Land Use Efficiency in My Hao District, Hung Yen Province

### ABSTRACT

A formal survey was conducted to examine the status of agricultural land area transformed to industrial land in My Hao district, Hung Yen province, and the land use efficiency in the remaining agricultural land and to recommend solutions to improve agricultural land use efficiency. In the 2005-2012 period, industrial land increased by 280.12 ha, in which 235.68 ha was converted from agricultural land. Decreased agriculture land has created high pressure on the use of agricultural land resource and caused change in land use types (LUT). In 2005, the district had five LUTs with fifteen cropping patterns, however, there were 21 cropping patterns in 2012. The change in the area of land use types brought land use efficiency with it. Increased the land area was mainly attributed to fruit cultivation and VAC system. The land use efficiency of the LUTs increased in 2012 in comparison with 2005. Highest economic efficiency was obtained from aquaculture and lowest economic efficiency from 2 rice croppings.

Keywords: Agricultural land transformation, land use efficiency My Hao, Hung Yen.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mỹ Hào là một trong những huyện có tốc độ công nghiệp hóa nhanh của tỉnh Hưng Yên. Tính đến tháng 6 năm 2011, 120 trên tổng số 160 dự án công nghiệp, dịch vụ đã đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh cùng với nhiều làng nghề nông thôn

truyền thống góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Năm 2012, diện tích đất công nghiệp là 344,40ha tăng 280,12ha so với năm 2005 (Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mỹ Hào, 2012).

Sự hình thành và phát triển của các khu công nghiệp đã góp phần tăng trưởng và chuyển dịch cơ

cấu kinh tế theo hướng tích cực, tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập bình quân trên đầu người, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện. Năm 2012, cơ cấu các ngành nông nghiệp-công nghiệp-xây dựng, dịch vụ là 6,0%-63,0%-31,0% (Phòng Thống kê huyện Mỹ Hào, 2012).

Tuy nhiên, cùng với việc phát triển các khu công nghiệp, việc chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất công nghiệp ở Mỹ Hào đã tác động rất lớn tới tình hình sử dụng đất nông nghiệp ở địa phương, nhất là khi diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp.

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, nghiên cứu này được tiến hành nhằm đưa ra được thực trạng chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất công nghiệp và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp sau chuyển đổi ở huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Thu thập số liệu thứ cấp

- Thu thập các tài liệu, số liệu điều tra cơ bản, thống kê về điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội của huyện từ số liệu của các phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Thống kê.

- Số liệu về hiện trạng sử dụng đất và biến động diện tích đất đai 2005-2012 của huyện Mỹ Hào; các báo cáo, số liệu thống kê về thu hồi đất, giao đất nông nghiệp để xây dựng các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Mỹ Hào tại phòng Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các dự án thuộc UBND huyện Mỹ Hào.

### 2.2. Thu thập các số liệu sơ cấp

Điều tra nông hộ theo mẫu phiếu điều tra được phỏng vấn tại 4 xã có diện tích đất chuyển đổi từ nông nghiệp sang công nghiệp lớn, giai đoạn 2005-2012 đó là: Bạch Sam (40 phiếu), Minh Đức (40 phiếu), Dị Sử (70 phiếu), Phùng Chí Kiên (50 phiếu) với số lượng phiếu điều tra là 200 phiếu được phân theo tỷ lệ diện tích đất chuyển đổi và ven đường QL5. Những hộ được lựa chọn điều tra, phỏng vấn đều bị thu hồi một phần diện tích đất nông nghiệp. Các chỉ tiêu điều tra đánh giá bao gồm:

- Những chỉ tiêu về các yếu tố sử dụng đất, chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất công

nghiệp: diện tích đất nông nghiệp trước và sau khi thu hồi đất, lao động nông nghiệp, cơ cấu cây trồng vật nuôi.

- Những chỉ tiêu về tình hình sử dụng đất nông nghiệp: chi phí sản xuất, năng suất, sản lượng, tổng thu nhập, công lao động, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật ...

### 2.3. Xử lý số liệu

Xử lý số liệu bằng phần mềm Microsoft Excel 2010 để tính toán hiệu quả sử dụng đất.

### 2.4. Đánh giá hiệu quả

*\* Hiệu quả kinh tế*

- Giá trị sản xuất (GTSX/Ha);
- Chi phí trung gian (CPTG/Ha);
- Giá trị gia tăng (GTGT/Ha).

*\* Hiệu quả xã hội*

- Giá trị gia tăng trên ngày công lao động (GTGT/công LĐ);

- Góp phần giải quyết việc làm, thu hút nhiều công lao động (Công lao động/Ha).

*\* Hiệu quả môi trường*

- Mức đầu tư phân bón;
- Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

### 2.5. Phương pháp so sánh

Sử dụng phương pháp này nhằm so sánh sự khác biệt giữa năm 2005 và 2012 về các chỉ tiêu:

- Diện tích đất nông nghiệp, đất công nghiệp trước và sau khi chuyển đổi.

- Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của các loại hình sử dụng đất để thấy được sự thay đổi.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Khái quát về huyện Mỹ Hào

Mỹ Hào là một huyện của tỉnh Hưng Yên thuộc vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, nằm trên Quốc lộ 5 - trục giao thông huyết mạch Hưng Yên, Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh. Ngoài ra, Mỹ Hào còn nằm ở vị trí ngã ba giữa Quốc lộ 39A với Quốc lộ 5 - trục giao thông quan trọng nối thành phố Hưng Yên với thành phố Thái Bình và tỉnh Hà Nam.

Thực trạng chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất công nghiệp và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp sau chuyển đổi ở huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Địa hình toàn vùng của huyện tương đối bằng phẳng, vị trí rất thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội toàn diện và thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Với diện tích đất tự nhiên là 7.910,96ha, năm 2012 diện tích đất nông nghiệp là 4.549,15ha chiếm 57,50% tổng diện tích tự nhiên (Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mỹ Hào, 2012). Đất đai của huyện khá màu mỡ, chủ yếu là đất phù sa không được bồi đắp hàng năm của hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình.

### 3.2. Thực trạng chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất công nghiệp huyện Mỹ Hào giai đoạn 2005 - 2012

#### 3.2.1. Thực trạng phát triển công nghiệp ở huyện Mỹ Hào giai đoạn 2005 - 2012

##### a. Biến động diện tích đất công nghiệp ở huyện Mỹ Hào giai đoạn 2005 - 2012

Kết quả nghiên cứu cho thấy diện tích đất công nghiệp 2005 là 64,28ha, đến năm 2012 đã tăng lên 344,40 ha, tăng 280,12ha so với năm 2005 và chiếm 63,62% diện tích đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tăng trong giai đoạn 2005 - 2012. Diện tích đất công nghiệp tăng nhanh trong giai đoạn này là do quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ở đây đang diễn ra mạnh mẽ. Diện tích đất công nghiệp tập trung chủ yếu trong các khu công nghiệp Phố Nối A, Khu công nghiệp Thăng Long II, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối...

##### b. Hiện trạng các khu công nghiệp chính ở huyện Mỹ Hào năm 2012

Số liệu ở bảng 1 cho thấy: Hiện trạng 3 KCN đang hoạt động trên địa bàn huyện năm 2012 có tổng diện tích là 307,74ha, chiếm 89,36% tổng diện tích đất công nghiệp toàn huyện. Trong đó diện tích KCN Phố Nối B lớn nhất (gồm 02 chủ đầu tư: Khu công nghiệp Thăng Long II và Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối) với 236,1ha, chiếm 76,72% tổng diện tích của 3 KCN huyện Mỹ Hào. Diện tích đất giành cho các khu công nghiệp này chủ yếu là đất nông nghiệp để xây mới và mở rộng các khu công nghiệp giai đoạn 2005 - 2012. Diện tích các KCN nằm chủ yếu trên địa bàn các xã Dị Sử, Phùng Chí Kiên, Minh Đức, Bạch Sam...

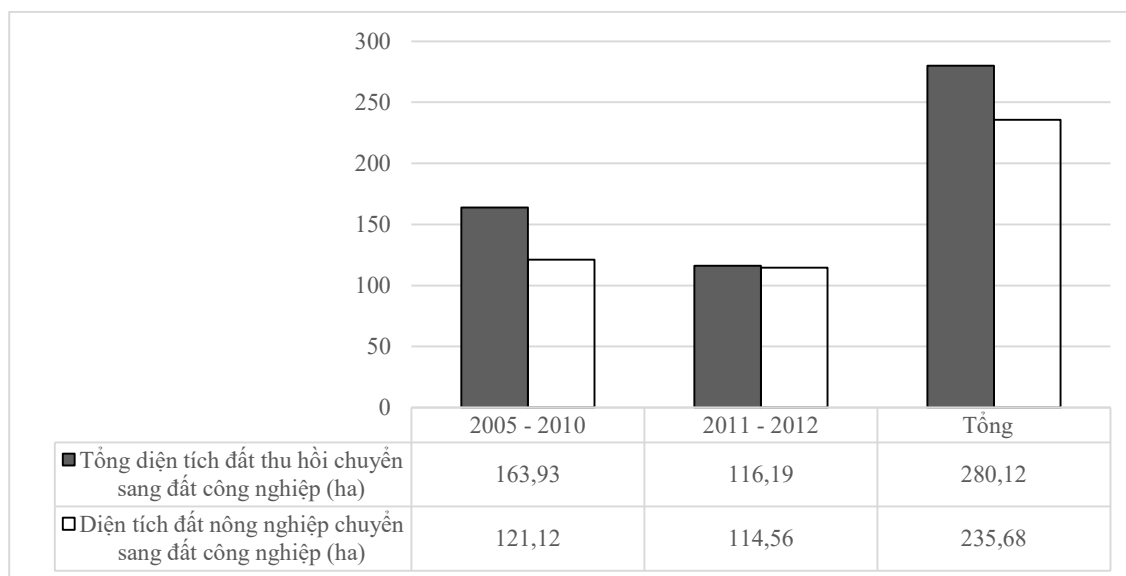
#### 3.2.2. Thực trạng chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất công nghiệp ở huyện Mỹ Hào giai đoạn 2005 - 2012

Qua hình 1 cho thấy, diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất công nghiệp giai đoạn từ năm 2005 - 2010 là 121,12ha, đến năm 2012 diện tích chuyển đổi tăng lên 235,68ha (chiếm 84,14% diện tích đất công nghiệp tăng trong giai đoạn 2005 - 2012). Việc chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất công nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa là việc không tránh khỏi. Tuy nhiên, việc chuyển đổi số lượng lớn diện tích đất nông nghiệp sang đất công nghiệp sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc sử dụng quỹ đất nông nghiệp còn lại.

**Bảng 1. Hiện trạng ba khu công nghiệp chính trên địa bàn huyện Mỹ Hào năm 2012**

| STT                              | Tên khu công nghiệp             | Diện tích (ha) | Thuộc xã                       |
|----------------------------------|---------------------------------|----------------|--------------------------------|
| 1                                | Khu công nghiệp Phố Nối A       | 1,59           | TT Bần Yên Nhân                |
| 2                                | Khu công nghiệp Minh Đức        | 70,05          | Minh Đức và Bạch Sam, Ngọc Lâm |
| 3                                | Khu công nghiệp phố Nối B       | 236,1          | Dị Sử, Phùng Chí Kiên          |
| 3.1                              | Khu Công nghiệp Thăng Long II   | 126,1          | Dị Sử, Phùng Chí Kiên          |
| 3.2                              | Khu Công nghiệp dệt may Phố Nối | 110,0          | Dị Sử                          |
| Tổng diện tích 3 Khu Công nghiệp |                                 | 307,74         | Huyện Mỹ Hào                   |

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra khu công nghiệp chính ở huyện Mỹ Hào, 2012



**Hình 1. Thực trạng chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất công nghiệp ở huyện Mỹ Hào giai đoạn 2005 - 2012**

Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mỹ Hào, 2012

### 3.3. Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp sau khi chuyển một phần đất nông nghiệp sang đất công nghiệp

#### 3.3.1. Thực trạng và biến động các loại hình sử dụng đất nông nghiệp giai đoạn 2005 - 2012

Qua bảng 2 cho thấy: Các loại hình sử dụng đất của huyện Mỹ Hào năm 2005 và năm 2012 không có sự thay đổi về loại hình sử dụng đất (LUT). Tuy nhiên có sự thay đổi khá nhiều về các kiểu sử dụng đất. Năm 2005 trên huyện nghiên cứu chỉ có 15 kiểu sử dụng đất thì đến năm 2012 đã tăng lên 21 kiểu sử dụng đất. Các kiểu sử dụng đất mới thuộc các LUT 2 lúa - cây vụ đông, chuyên rau - màu và VAC. Các kiểu sử dụng đất trong LUT chuyên rau - màu và 2 lúa - cây vụ đông ngày càng phong phú, đa dạng hơn về giống cây. Các loại cây ăn quả cũng được nhân rộng về chủng loại và diện tích trồng. Đặc biệt LUT VAC tăng mạnh về diện tích (tăng 154,25ha). Trong các loại hình sử dụng đất thì LUT 2 lúa vẫn đóng vai trò chủ đạo nhưng đã giảm mạnh về diện tích.

Năm 2005 toàn huyện có 15 kiểu sử dụng đất, năm 2012 tăng lên 21 kiểu sử dụng đất. Cụ

thể, ở LUT 2 lúa - cây vụ đông tăng 3 kiểu: Lúa xuân - Lúa mùa - Bí xanh; Lúa xuân - Lúa mùa - Dưa bao tử; Lúa xuân - Lúa mùa - Cải xanh, ở LUT Chuyên rau - màu tăng 2 kiểu, đó là: Đậu tương - Cải xoong - Dưa chuột; Ngô bao tử - Đậu tương - Rau thơm và ở LUT VAC tăng 1 kiểu là Cá - Vịt - Cây ăn quả.

Hiệu quả của các kiểu sử dụng đất mới so với các kiểu sử dụng đất có từ trước trong cùng LUT về cơ bản không có sự thay đổi lớn, nhưng đã đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Người dân đã đầu tư thâm canh, tăng vụ trên diện tích đất 2 lúa bằng cách trồng thêm một số loại rau vào vụ đông và đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi ở LUT chuyên rau - màu và LUT VAC đã giải quyết vấn đề việc làm và tăng thêm thu nhập cho nông hộ.

#### 3.3.2. Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp sau khi chuyển một phần quỹ đất nông nghiệp sang đất công nghiệp

##### a. Đánh giá hiệu quả kinh tế

Số liệu bảng 3 cho thấy: Tất cả các giá trị GTSX, CPTG, GTGT của hiệu quả kinh tế sử dụng đất giữa năm 2012 so với 2005 đều tăng, điều đó chứng tỏ mặc dù một lượng lớn đất nông

Thực trạng chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất công nghiệp và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp sau chuyển đổi ở huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

**Bảng 2. Diện tích của loại hình và kiểu sử dụng đất nông nghiệp huyện Mỹ Hào năm 2005 và 2012 (ha)**

| STT | LUT                 | Kiểu sử dụng đất                      | Năm 2005 | Năm 2012 | So sánh |
|-----|---------------------|---------------------------------------|----------|----------|---------|
| 1   | 2 lúa               | Tổng diện tích LUT 1                  | 2.448,00 | 1.831,70 | -616,30 |
|     |                     | 01. Lúa xuân - Lúa mùa                | 2.448,00 | 1.831,70 | -616,30 |
| 2   | 2 Lúa - cây vụ đông | Tổng diện tích LUT 2                  | 2.332,63 | 2.254,54 | -78,09  |
|     |                     | 02. Lúa xuân - Lúa mùa - Ngô đông     | 924,68   | 610,61   | -314,07 |
|     |                     | 03. Lúa xuân - Lúa mùa - Khoai lang   | 424,56   | 318,53   | -106,03 |
|     |                     | 04. Lúa xuân - Lúa mùa - Đậu tương    | 395,83   | 341,87   | -53,96  |
|     |                     | 05. Lúa xuân - Lúa mùa - Cà chua      | 246,82   | 152,75   | -94,07  |
|     |                     | 06. Lúa xuân - Lúa mùa - Bắp cải      | 198,48   | 271,18   | 72,70   |
|     |                     | 07. Lúa xuân - Lúa mùa - Su hào       | 142,26   | 139,05   | -3,21   |
|     |                     | 08. Lúa xuân - Lúa mùa - Bí xanh      | 0,00     | 128,13   | 128,13  |
|     |                     | 09. Lúa xuân - Lúa mùa - Dưa bao tử   | 0,00     | 160,26   | 160,26  |
|     |                     | 10. Lúa xuân - Lúa mùa - Cải xanh     | 0,00     | 132,16   | 132,16  |
| 3   | Chuyên rau - màu    | Tổng diện tích LUT 3                  | 9,02     | 7,73     | -1,29   |
|     |                     | 11. Dưa chuột - Cải xanh - Su hào     | 3,20     | 1,38     | -1,82   |
|     |                     | 12. Cà chua - Rau ngót - Dưa chuột    | 1,70     | 0,61     | -1,09   |
|     |                     | 13. Hành - Cải xanh - Bắp cải         | 2,04     | 2,12     | 0,08    |
|     |                     | 14. Cà chua - Bí xanh - Rau đậu       | 1,02     | 1,51     | 0,49    |
|     |                     | 15. Hành - Rau muống - Cải xoong      | 1,06     | 0,73     | -0,33   |
|     |                     | 16. Đậu tương - Cải xoong - Dưa chuột | 0,00     | 0,79     | 0,79    |
|     |                     | 17. Ngô bao tử - Đậu tương - Rau thơm | 0,00     | 0,59     | 0,59    |
| 4   | Cây ăn quả          | Tổng diện tích LUT 4                  | 43,36    | 91,36    | 48,00   |
|     |                     | 18. Nhãn, vải, chuối, xoài, ổi        | 43,36    | 91,36    | 48,00   |
| 5   | Nuôi trồng thủy sản | Tổng diện tích LUT 5                  | 78,03    | 35,90    | -42,13  |
|     |                     | 19. Chuyên cá                         | 78,03    | 35,90    | -42,13  |
| 6   | VAC                 | Tổng diện tích LUT 6                  | 173,67   | 327,92   | 154,25  |
|     |                     | 20. Cá - Lợn - Cây ăn quả             | 173,67   | 215,14   | 41,47   |
|     |                     | 21. Cá - Vịt - Cây ăn quả             | 0,00     | 112,78   | 112,78  |

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra năm 2005, 2012

ng nghiệp bị thu hồi để xây dựng các khu, cụm công nghiệp nhưng giá trị sản xuất nông nghiệp mang lại không giảm mà còn tăng lên so với trước khi bị thu hồi. Xét năm 2012, hiệu quả kinh tế cao nhất là LUT VAC với GTGT 492,82 triệu đồng/ha. CPTG cao cho các khoản thức ăn, con giống và cải tạo ao hồ, chất lượng nước đã đem lại thành quả cho người lao động. Sau đó là LUT nuôi trồng thủy sản với GTGT đạt 183,24 triệu đồng/ha. LUT chuyên rau - màu đem lại hiệu quả kinh tế khá cao do phát triển dân số, đô thị hóa, nhu cầu về các sản phẩm rau màu

ngày càng tăng, cần quan tâm phát triển. Do chính sách an ninh lương thực LUT 2 lúa vẫn là LUT chính của toàn huyện. LUT 2 lúa cho hiệu quả kinh tế trung bình với GTGT chỉ đạt 32,57 triệu đồng/ha, tuy nhiên năng suất đã tăng hơn so với trước đây.

Các chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế của các LUT năm 2012 cao hơn so với năm 2005 bởi người dân đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp và có giá trị cao kết hợp áp dụng khoa học kỹ thuật (giống, phân bón, kỹ thuật chăm sóc cây trồng, vật nuôi...).

**Bảng 3. Hiệu quả kinh tế của các loại hình sử dụng đất nông nghiệp huyện Mỹ Hào năm 2005 và năm 2012**

| Loại hình sử dụng đất |                     | GTSX     |          |         | CPTG   |        |         | GTGT   |        |         |
|-----------------------|---------------------|----------|----------|---------|--------|--------|---------|--------|--------|---------|
|                       |                     | 2005     | 2012     | So sánh | 2005   | 2012   | So sánh | 2005   | 2012   | So sánh |
|                       |                     | Trđ/ha   | Trđ/ha   | Trđ/ha  | Trđ/ha | Trđ/ha | Trđ/ha  | Trđ/ha | Trđ/ha | Trđ/ha  |
| LUT 1                 | 2 lúa               | 58,03    | 62,88    | 4,85    | 28,35  | 30,31  | 1,96    | 29,68  | 32,57  | 2,89    |
| LUT 2                 | 2 lúa - cây vụ đông | 94,19    | 102,15   | 7,96    | 44,48  | 47,07  | 2,59    | 49,70  | 55,08  | 5,38    |
| LUT 3                 | Chuyên rau - màu    | 120,26   | 124,59   | 4,33    | 60,85  | 56,83  | -4,02   | 59,41  | 67,77  | 8,36    |
| LUT 4                 | Cây ăn quả          | 135,72   | 136,44   | 0,72    | 44,35  | 29,88  | -14,47  | 91,37  | 106,56 | 15,19   |
| LUT 5                 | Nuôi trồng thủy sản | 442,62   | 564,69   | 122,07  | 356,98 | 381,45 | 24,47   | 85,63  | 183,24 | 97,61   |
| LUT 6                 | VAC                 | 1.161,08 | 1.362,40 | 201,32  | 787,25 | 869,58 | 82,33   | 373,83 | 492,82 | 118,99  |

Chú thích: Tính theo giá cố định năm 2010

Nguồn: Tổng hợp kết quả tính toán

#### b. Đánh giá hiệu quả xã hội

Trong giai đoạn 2005 - 2012, công lao động/ha của các LUT 2 lúa, LUT 2 lúa - cây vụ đông giảm không nhiều. Năm 2005, LUT 2 lúa sử dụng 419 công/ha, đến năm 2012 giảm xuống còn 412 công/ha. Ngược lại công lao động, LUT chuyên rau - màu, LUT cây ăn quả, LUT nuôi trồng thủy sản, LUT VAC tăng nhiều: Công/ha của LUT nuôi trồng thủy sản năm 2005 là 666, đến năm 2012 tăng lên 1.295. Nhìn chung, GTGT/công LĐ của các LUT năm 2012 so với năm 2005 đều tăng và tăng nhiều nhất là LUT VAC từ 133.225,23 đồng/công lên 152.292,95 đồng/công. Số liệu được thể hiện qua bảng 4.

Kết quả nghiên cứu cho thấy số công lao động trên 1ha cho cùng một loại hình sử dụng đất giữa 2 năm đã có sự chênh lệch. Đối với LUT 2 lúa, 2 lúa - cây vụ đông, công lao động trên 1ha giảm đi là do trước đây quá trình sản xuất từ khâu làm đất đến khâu thu hoạch đều chủ yếu là lao động thủ công, nhưng những năm gần đây do các khâu sản xuất được cơ giới hóa tối đa nên giảm số công lao động cho các công đoạn đó. Ngược lại, công lao động trên 1ha của LUT chuyên rau - màu, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản, VAC tăng do hệ số quay vòng tăng, quy trình sản xuất và tiêu chuẩn nghiêm ngặt hơn.

**Bảng 4. Hiệu quả xã hội các loại hình sử dụng đất huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên năm 2005 và năm 2012**

| Loại hình sử dụng đất |                     | Công LĐ |         |         | GTGT/công LĐ |            |           |
|-----------------------|---------------------|---------|---------|---------|--------------|------------|-----------|
|                       |                     | 2005    | 2012    | So sánh | 2005         | 2012       | So sánh   |
|                       |                     | Công/ha | Công/ha | Công/ha | Đồng/công    | Đồng/công  | Đồng/công |
| LUT 1                 | 2 lúa               | 419     | 412     | -7      | 70.835,32    | 79.053,40  | 8.218,08  |
| LUT 2                 | 2 lúa - cây vụ đông | 667     | 661     | -6      | 74.527,74    | 83.328,29  | 8.800,55  |
| LUT 3                 | Chuyên rau - màu    | 762     | 778     | 16      | 77.965,88    | 87.095,12  | 9.129,24  |
| LUT 4                 | Cây ăn quả          | 770     | 810     | 40      | 118.662,34   | 131.555,56 | 12.893,22 |
| LUT 5                 | Nuôi trồng thủy sản | 666     | 1.295   | 629     | 128.588,59   | 141.498,07 | 12.909,48 |
| LUT 6                 | VAC                 | 2.806   | 3.236   | 430     | 133.225,23   | 152.292,95 | 19.067,72 |

Chú thích: Tính theo giá cố định năm 2010

Nguồn: Tổng hợp kết quả tính toán

Thực trạng chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất công nghiệp và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp sau chuyển đổi ở huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

### c. Đánh giá hiệu quả môi trường

Trong thực tế, tác động của sử dụng đất đến môi trường diễn ra rất phức tạp và theo nhiều chiều hướng khác nhau, cây trồng phát triển tốt trên đất có đặc tính, chất lượng phù hợp. Nhưng trong quá trình sản xuất, hoạt động canh tác sẽ tạo nên những ảnh hưởng rất khác nhau đến môi trường.

Mức sử dụng phân bón: Theo kết quả nghiên cứu ở bảng 5, mức độ bón phân cho các cây trồng nhìn chung là không cân đối và chưa hợp lý. Các cây trồng sử dụng lượng phân bón cao hơn so với tiêu chuẩn. Một số cây bón quá nhiều phân đạm nhưng lại ít phân lân hay phân kali và ngược lại. Cụ thể như đối với lúa xuân, hàm lượng  $K_2O$  bón cho cây cao gấp 1,75 lần so với tiêu chuẩn nhưng hàm lượng  $P_2O_5$  lại chỉ đạt 0,8 lần. Đối với đậu tương hàm lượng N bón cho cây gấp 2,45 lần so với tiêu chuẩn. Ngoài ra còn một số loại rau hàm lượng N và  $P_2O_5$  bón cho cây cao hơn so với tiêu chuẩn như: Cà chua, bắp cải, cải xanh, hành nhưng hàm lượng  $K_2O$  đều chưa đạt mức tiêu chuẩn. Trong các loại cây trồng chỉ có khoai lang và ngô có lượng phân bón phù hợp với tiêu chuẩn.

Mức sử dụng thuốc bảo vệ thực vật: Một số LUT có khả năng thâm canh cao, khả năng quay vòng đất nhanh chính là nguyên nhân gây ra nhiều sâu bệnh. Thuốc bảo vệ thực vật người dân sử dụng chủ yếu là thuốc trừ sâu bệnh,

thuốc diệt cỏ dại và thuốc kích thích sinh trưởng. Theo kết quả điều tra cho thấy nông dân thường sử dụng thuốc bảo vệ thực vật từ 3-5 lần/vụ để phòng trừ sâu bệnh. Loại thuốc được sử dụng đúng chủng loại tuy nhiên liều lượng dùng hầu hết là vượt mức tiêu chuẩn cho phép theo chỉ dẫn trên bao bì.

Việc sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật quá mức tiêu chuẩn cho phép về lâu dài có thể dẫn đến ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí và sức khỏe người dân.

### 3.4. Đề xuất loại hình sử dụng đất và một số giải pháp nâng cao hiệu quả

#### 3.4.1. Cơ sở lựa chọn, đề xuất các loại hình sử dụng đất hiệu quả

- Kết quả đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của các loại hình sử dụng đất (LUT) năm 2012 từ bảng 3, 4, 5;

- Quỹ đất nông nghiệp hiện tại của huyện để triển khai LUT;

- Khả năng đầu tư vốn cho thâm canh LUT.

#### 3.4.2. Loại hình sử dụng đất hiệu quả

- Các LUT nuôi trồng thủy sản, VAC, cây ăn quả và chuyên rau - màu cho hiệu quả cao nhất, do đó cần mở rộng diện tích, tăng cường đầu tư một cách phù hợp để đem lại hiệu quả cao về kinh tế.

**Bảng 5. So sánh mức sử dụng phân bón thực tế của một số cây trồng năm 2012 với tiêu chuẩn bón phân cân đối và hợp lý (kg/ha)**

| STT | Cây trồng  | Lượng phân bón thực tế |          |        | Theo tiêu chuẩn (*) |          |        |
|-----|------------|------------------------|----------|--------|---------------------|----------|--------|
|     |            | N                      | $P_2O_5$ | $K_2O$ | N                   | $P_2O_5$ | $K_2O$ |
| 1   | Lúa xuân   | 128,15                 | 68,04    | 78,60  | 120-130             | 80-90    | 30-60  |
| 2   | Lúa mùa    | 97,39                  | 70,38    | 65,40  | 80-100              | 50-60    | 0-30   |
| 3   | Ngô        | 161,24                 | 79,92    | 84,60  | 150-180             | 70-90    | 80-100 |
| 4   | Khoai lang | 58,72                  | 40,68    | 80,40  | 50-60               | 40-50    | 60-90  |
| 5   | Đậu tương  | 48,93                  | 47,16    | 53,40  | 20                  | 40-60    | 40-60  |
| 6   | Cà chua    | 163,10                 | 69,48    | 97,80  | 121                 | 32       | 106    |
| 7   | Bắp cải    | 146,32                 | 72,36    | 93,60  | 121                 | 32       | 106    |
| 8   | Su hào     | 118,36                 | 80,28    | 58,80  | 121                 | 32       | 106    |
| 9   | Cải xanh   | 129,55                 | 94,68    | 81,60  | 121                 | 32       | 106    |
| 10  | Hành       | 123,96                 | 51,48    | 78,00  | 121                 | 32       | 106    |

Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra năm 2012

Ghi chú: (\*) Đường Hồng Dật (2008)

- Các LUT 2 lúa và 2 lúa - cây vụ đông là loại hình sử dụng đất khá bền vững, hiệu quả tuy không cao nhưng cần phải duy trì để đảm bảo sự cân đối lương thực phù hợp với những hộ nông dân chưa có điều kiện đầu tư, phát triển. Riêng với diện tích LUT 2 lúa (1.831,7ha), cần đẩy mạnh thâm canh tăng thêm một vụ đông một cách phù hợp.

### **3.4.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả**

#### *a. Giải pháp cơ chế chính sách*

- Chính quyền địa phương cần tiến hành điều tra khảo sát diện tích LUT 2 lúa (1.831,7ha) để định hướng sử dụng đất có hiệu quả bằng cách:

+ Thâm canh tăng vụ đông đối với đất đủ điều kiện tăng vụ;

+ Cho phép chuyển đổi đất xấu, xen kẹt sang LUT phù hợp hơn.

- Tạo điều kiện cho các hộ đổi ruộng đất (dồn điền đổi thửa) trên cơ sở tự nguyện giữa các hộ để hình thành các mô hình trang trại có quy mô lớn đáp ứng khả năng cơ giới hóa và ứng dụng công nghệ cao;

- Cải thiện các hệ thống thủy nông tưới tiêu đảm bảo nước tưới cho các LUT chuyên rau - màu, cây ăn quả và tiêu nước kịp thời cho một số diện tích;

- Tăng cường công tác khuyến nông theo hướng thâm canh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

#### *b. Giải pháp khoa học công nghệ*

- Áp dụng khoa học - kỹ thuật và công nghệ tiên tiến vào chọn giống cây trồng vật nuôi, kỹ thuật chăm sóc và sản xuất.

#### *c. Giải pháp về vốn và thị trường*

- Mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản trong và ngoài tỉnh;

- Tạo điều kiện cho người dân lập đề án để vay vốn một cách thuận lợi với lãi suất thấp, thời gian vay vốn dài (đặc biệt với các đề án mô hình trang trại).

#### *d. Một số giải pháp khác*

- Cải tạo những vùng thấp, trũng, vùng hồ ao và bãi ven sông để phát triển mô hình VAC.

- Thường xuyên giám sát kiểm tra môi trường đất, nước sản xuất nông nghiệp nhằm đảm bảo tốt môi trường sống của người dân và sự bền vững của loại hình sử dụng đất đã lựa chọn.

## **4. KẾT LUẬN**

Mỹ Hào là một trong những huyện có tốc độ thực hiện Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa nhanh của tỉnh Hưng Yên. Việc hình thành các khu công nghiệp lớn trên địa bàn huyện đã làm cho cơ cấu sử dụng đất trong toàn huyện có sự chuyển dịch mạnh mẽ. Trong giai đoạn 2005 - 2012, diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp là 535,56ha, trong đó chuyển sang đất công nghiệp là 235,68ha.

Việc chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất công nghiệp ở Mỹ Hào đã thu hẹp diện tích đất nông nghiệp và thay đổi các kiểu sử dụng đất theo hướng sản xuất hàng hóa có hiệu quả sử dụng cao. Năm 2005 huyện Mỹ Hào có 6 loại hình sử dụng đất (LUT), với 15 kiểu sử dụng đất; đến năm 2012 đã tăng lên 21 kiểu sử dụng đất. Hiệu quả kinh tế và xã hội của các LUT năm 2012 đều tăng so với năm 2005. Đạt hiệu quả kinh tế cao nhất là LUT nuôi trồng thủy sản, sau đó là các LUT VAC, cây ăn quả, chuyên rau - màu, thấp nhất là LUT 2 lúa.

Để sử dụng đất nông nghiệp có hiệu quả hơn cần mở rộng diện tích các loại hình sử dụng đất ở các LUT: nuôi trồng thủy sản, VAC, cây ăn quả, chuyên rau - màu và 2 lúa - cây vụ đông một cách phù hợp, kèm theo các giải pháp về cơ chế chính sách, khoa học công nghệ, vốn và thị trường và một số giải pháp khác.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Vũ Thị Bình và Quyền Đình Hà (2003). Thực trạng công tác chuyển đổi ruộng đất và hiệu quả sử dụng đất của nông hộ ở một số địa phương vùng đồng bằng Sông Hồng. Tạp chí Khoa học đất, 18: 84.
- Nguyễn Đình Bộ (2010). Đánh giá thực trạng sử dụng đất và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp theo hướng bền vững ở tỉnh Hải Dương. Luận án tiến sĩ Nông nghiệp.
- Đường Hồng Dật (2008). Kỹ thuật bón phân cân đối và hợp lý cho cây trồng, Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.

Thực trạng chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất công nghiệp và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp sau chuyển đổi ở huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Phòng thống kê huyện Mỹ Hào (2012). Niên giám thống kê huyện Mỹ Hào năm 2012.

Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện Mỹ Hào (2012). Báo cáo thống kê đất đai từ năm 2005 đến năm 2012.

UBND huyện Mỹ Hào (2010c). Báo cáo tổng kết công tác phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn và định hướng phát triển nông nghiệp giai đoạn 2011-2015.

UBND tỉnh Hưng Yên (2012). Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015).

UBND huyện Mỹ Hào (2011). Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015).

Nguyễn Ích Tân (2000). Nghiên cứu tiềm năng đất đai, nguồn nước và xây dựng một số vùng ứng trũng đồng bằng sông Hồng. Luận án tiến sĩ Nông nghiệp.

Nguyễn Thị Hải Yến (2013). Nghiên cứu tác động của quá trình công nghiệp hóa đến quản lý, sử dụng đất nông nghiệp và đời sống người dân huyện Quê Võ, tỉnh Bắc Ninh. Luận án tiến sĩ Nông nghiệp, tr.18-34.